

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 16.06.2017

Phiên bản 1.1

## Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

### 1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	804324
Tên sản phẩm	1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	999-97-3

### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Hóa chất để tổng hợp  Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck ( <a href="http://www.merckgroup.com">www.merckgroup.com</a> ).
--	---

### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

## Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225

Độc tính cấp tính, Nhóm 3, Hít phải, H331

Độc tính cấp tính, Nhóm 3, Về da, H311

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Đường miệng, H302

Ăn mòn da, Nhóm 1 B, H314

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

### 2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H311 + H331 Gây độc nếu tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. Không hút thuốc.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Lưu trữ

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.

## Ghi nhãn bị giảm ( $\leq 125$ ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H311 + H331 Gây độc nếu tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Số CAS

999-97-3

## 2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 804324  
Tên sản phẩm 1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

Công thức  $C_6H_{19}NSi_2$  (Hill)  
Số EC 213-668-5  
Khối lượng mol 161,39 g/mol

## Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

*Tên hóa học (Nồng độ)*

Số CAS Số đăng ký Phân loại  
1,1,1,3,3,3-hexamethyldisilazane (<= 100 % )  
999-97-3 \*)

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225  
Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H302  
Độc tính cấp tính, Nhóm 3, H331  
Độc tính cấp tính, Nhóm 3, H311  
Ăn mòn da, Nhóm 1 B, H314

\*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

## 3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

---

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

*Lời khuyên chung*

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: đưa ra nơi không khí trong lành. Ngay lập tức gọi bác sĩ. Nếu ngừng thở: ngay lập tức áp dụng hô hấp nhân tạo, ngoài ra, nếu cần thiết áp dụng phương pháp thở ô xy.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	804324
Tên sản phẩm	1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nốt phải: cho bệnh nhân ổng nước (tối đa hai cốc), tránh nôn mửa (nguy c thủng dạ dày).

Có thể bị suy hô hấp sau khi hít phải chất nôn mửa. Gọi bác sĩ ngay lập tức. Không cố trung hòa.

## 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Kích ứng và ăn mòn, Ho, Khó thở, Bất tỉnh, Buồn nôn, Nôn mửa, Run  
Rủi ro bị mù!

## 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

---

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

### 5.1 Các phương tiện chữa cháy

*Các phương tiện chữa cháy phù hợp*

Carbon đioxit (CO<sub>2</sub>), Bột khô

*Các phương tiện chữa cháy không phù hợp*

Nước, Bọt

### 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ môi trường.

Chú ý tới ngọn lửa cháy lùi.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

các oxit ni tơ

Có thể không tiếp xúc với:

Nước

Thận trọng! khi tiếp xúc với sản phẩm nước:

Amoniac, hơi fomandêhyt

### 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

## *Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa*

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

## *Thông tin khác*

Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

---

## **Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**

### **6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp**

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

### **6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường**

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

### **6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.**

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Sử dụng cẩn thận vật chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ: Chemisorb®). Vứt bỏ đúng cách. Vệ sinh khu vực bị ảnh hưởng.

### **6.4 Xem các mục khác**

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

---

## **Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ**

### **7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất**

*Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn*

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

### *Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ*

Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

### *Các biện pháp vệ sinh*

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

## **7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào**

### *Điều kiện lưu trữ*

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

## **7.3 Sử dụng cụ thể**

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

---

## **Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân**

### **8.1 Các thông số kiểm soát**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

### **8.2 Kiểm soát phơi nhiễm**

#### **Các biện pháp kỹ thuật**

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

## Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

### *Bảo vệ mắt/mặt*

Kính bảo hộ vừa khí

### *Bảo vệ tay*

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay: Cao su nitrile

Độ dày của găng: 0,40 mm

Thời gian thấm: > 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay: polychloroprene

Độ dày của găng: 0,65 mm

Thời gian thấm: > 240 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 730 Camatril® -Velours (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 720 Camapren® (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

### *Thiết bị bảo hộ khác*

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

### *Bảo vệ hô hấp*

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc K (theo DIN 3181) cho NH<sub>3</sub>

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	804324
Tên sản phẩm	1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

## Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Nguy cơ nổ.

---

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

### 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	đặc tính
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	Không có thông tin.
Điểm nóng chảy	-82 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	126 °C ở 1.013 mbar
Điểm chớp cháy	15 °C Phương pháp: c.c.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng được
Giới hạn dưới của cháy nổ	0,8 %(V)
Giới hạn trên của cháy nổ	25,9 %(V)
Áp suất hóa hơi	20 hPa ở 20 °C

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	804324
Tên sản phẩm	1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	0,78 g/cm <sup>3</sup> ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	ở 20 °C phân tích
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 2,62 (được tinh) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. (Lít)
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

## 9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	Khoảng 325 °C
Độ nhớt, động học	0,9 mm <sup>2</sup> /s ở 25 °C

---

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	804324
Tên sản phẩm	1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

## 10.2 Tính ổn định hóa học

mẫn cảm với độ ẩm

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro nổ với:

Axit nitric, Chất oxy hóa

có thể phân hủy mạnh khi tiếp xúc với:

Amin, mecaptan

Phản ứng tỏa nhiệt với:

Cồn, nitrat, chất khử mạnh, hydrua, bazơ, axit

Nước, Giải phóng:, Amoniac, fomandehit

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

Làm ẩm.

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

---

## Phần 11. Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

*Độc tính cấp theo đường miệng*

LD50 Chuột: 847 mg/kg

IUCLID)

Triệu chứng: Buồn nôn, Nôn mửa, Nếu ăn phải, sẽ gây bỏng nặng miệng và cổ họng, cũng như có nguy cơ thủng thực quản và dạ dày.

*Độc tính cấp do hít phải*

LC50 Chuột: 8,7 mg/l; 4 h ; hơi

(RTECS)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

Triệu chứng: kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hỏng có thể:, hư hỏng khoang hô hấp

*Độc tính cấp qua da*

LD50 Thỏ: 550 mg/kg

(RTECS)

*Kích ứng da*

Thỏ

Kết quả: Gây bong.

IUCLID)

Gây bong.

*Kích ứng mắt*

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Rủi ro bị mù!

*Nhạy cảm*

Thông tin này không có sẵn.

*Biến đổi tế bào gốc*

*Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm*

Xét nghiệm Ames

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tác Kiểm Tra OECD 471

Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú):

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tác Kiểm Tra OECD 476

*Độc tính gây ung thư*

Thông tin này không có sẵn.

*Độc tính đối với sinh sản*

Thông tin này không có sẵn.

*Độc tính gây quái thai*

Thông tin này không có sẵn.

*Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)*

Thông tin này không có sẵn.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

*Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần*

Thông tin này không có sẵn.

*Nguy cơ hô hấp*

Thông tin này không có sẵn.

## 11.2 Thông tin khác

Phân hủy chất khi có độ ẩm ở mô.

Ảnh hưởng hệ thống:

Sau khi hấp thụ:

Run, Bất tỉnh

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

---

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

### 12.1 Độc tính

*Độc đối với cá*

LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 167 mg/l; 96 h

IUCLID)

*Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác*

EC50 Daphnia magna (Bọ nước): 186 mg/l; 48 h

IUCLID)

*Độc tính đối với vi khuẩn*

EC50 Vi khuẩn: 1.700 mg/l

IUCLID)

### 12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

### 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

*Hệ số phân tán: n-octanol/nước*

log Pow: 2,62

(được tính)

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. (Lít)

### 12.4 Tính biến đổi trong đất

---

Tờ Dữ Liệu An toàn cho mục danh mục sẵn có tại [www.merckgroup.com](http://www.merckgroup.com)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 804324  
Tên sản phẩm 1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

Không có thông tin.

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

## 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

---

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

### *Các phương pháp xử lý chất thải*

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem [www.retrologistik.com](http://www.retrologistik.com) để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

---

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

### Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN UN 3286  
14.2 Tên vận chuyển thích hợp FLAMMABLE LIQUID, TOXIC, CORROSIVE, N.O.S.  
(HEXAMETHYLDISILAZANE)  
14.3 Hạng 3 (6.1, 8)  
14.4 Nhóm đóng gói II  
14.5 môi trường độc hại --  
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có  
Mã giới hạn đối với vận chuyển D/E  
qua đường hầm

### Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

### Vận tải đường không (IATA)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	804324
Tên sản phẩm	1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

<b>14.1 Số UN</b>	UN 3286
<b>14.2 Tên vận chuyển thích hợp</b>	FLAMMABLE LIQUID, TOXIC, CORROSIVE, N.O.S. (HEXAMETHYLDISILAZANE)
<b>14.3 Hạng</b>	3 (6.1, 8)
<b>14.4 Nhóm đóng gói</b>	II
<b>14.5 môi trường độc hại</b>	--
<b>14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng</b>	không

## Vận tải đường biển (IMDG)

<b>14.1 Số UN</b>	UN 3286
<b>14.2 Tên vận chuyển thích hợp</b>	FLAMMABLE LIQUID, TOXIC, CORROSIVE, N.O.S. (HEXAMETHYLDISILAZANE)
<b>14.3 Hạng</b>	3 (6.1, 8)
<b>14.4 Nhóm đóng gói</b>	II
<b>14.5 môi trường độc hại</b>	--
<b>14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng</b>	có
<b>EmS</b>	F-E S-C
<b>Segregation Group</b>	0001 Acids
<b>14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC</b>	Không liên quan

---

## Phần 15. Thông tin pháp luật

### 15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

*Luật pháp quốc gia*

Lớp cất giữ 3

### 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

## Phần 16. Các thông tin khác

**Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.**

H225	Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H302	Có hại nếu nuốt phải.
H311	Độc khi tiếp xúc với da.
H314	Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H331	Độc nếu hít phải.

### Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

### Dán nhãn

*Hình đồ cảnh báo nguy cơ*



*Lời cảnh báo*

Nguy hiểm

*Cảnh báo nguy hiểm*

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H311 + H331 Gây độc nếu tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

*Các lưu ý phòng ngừa*

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. Không hút thuốc.

P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

804324

Tên sản phẩm

1,1,1,3,3,3-Hexamethyldisilazane for synthesis

---

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Lưu trữ

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

## Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

---

*Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.*